



VN-PCR0709A



BẢO HÀNH

Daikin cam kết bảo hành cho toàn bộ sản phẩm trong catalog này 01 năm cho thiết bị nói chung và 04 năm cho máy nén. Phạm vi bảo hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam.



CHẤT LƯỢNG

Tập đoàn Daikin là Nhà sản xuất máy ĐHKK đầu tiên ở Nhật được cấp chứng nhận quốc tế ISO 9001 về Quản lý chất lượng. Tất cả các thiết bị Daikin đều được cấp chứng nhận của hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001. Các chứng nhận ISO 9000 được trao cho các nhà cung cấp đáp ứng đủ yêu cầu của các tiêu chuẩn ISO. ISO 9001 là chứng nhận về sự đảm bảo chất lượng của sản phẩm được sản xuất tại nhà máy, liên quan đến các yếu tố như mẫu mã, nghiên cứu và cải tiến, sản xuất, lắp đặt và dịch vụ có liên quan.



JMI-0107



JQA-1452

MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn Daikin đã được cấp chứng nhận Quốc tế về Môi trường ISO 14001 cho các thiết bị, sản phẩm Daikin có trong catalog này. ISO 14001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường, cho phép tổ chức thiết lập mục tiêu và chính sách, đưa ra các yêu cầu mang tính pháp chế và thông tin về những yếu tố quan trọng liên quan đến môi trường. Quy định này áp dụng cho những yếu tố môi trường trong phạm vi tổ chức và có sức ảnh hưởng với bên ngoài.



EC99J2044

Đó Chính Là Sự Khác Biệt Của Daikin

Đại lý phân phối:

DAIKIN INDUSTRIES, LTD.

Head Office:
Umeda Center Bldg., 2-4-12, Nakazaki-Nishi,
Kita-ku, Osaka, 530-8323 Japan

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT KIM

Văn phòng chính
Tầng 1, tòa nhà INDOCHINA PARK TOWER, 4 Nguyễn Đình Chiểu,
P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 12, tòa nhà Ocean Park, 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

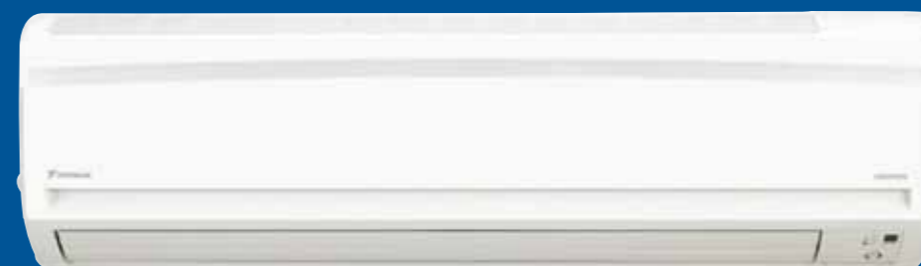
Chi nhánh Đà Nẵng

177 Phan Chu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

© All rights reserved
Printed in Vietnam 04/11/010 VK

MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ LOẠI 2 DÀN RỜI

Dạng treo tường
1 chiều lạnh & 2 chiều lạnh/sưởi

R-410A

ĐA DẠNG VÀ PHONG PHÚ

Dãy sản phẩm máy ĐHKK Daikin đa dạng và phong phú về chủng loại, đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng cũng như qui mô công trình. Kiểu dáng trang nhã phù hợp với mọi không gian nội thất.



FTKS25/35E và FTXS25/35E

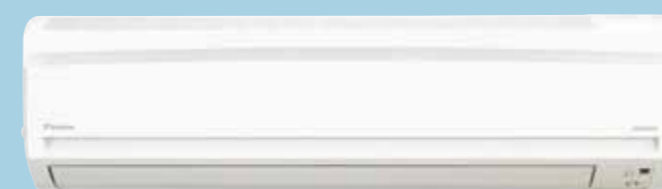
Máy 01 chiều Lạnh

FTKS25EVMA / RKS25EBVMA

Công suất lạnh 2,5 (1,2-3,0) kW
8.500 (4.100-10.200) Btu/h

FTKS35EVMA / RKS35EBVMA

Công suất lạnh 3,5 (1,2-3,8) kW
11.900 (4.100-12.950) Btu/h



FTKS50/60/71F và FTXS50/60/71F

Máy 01 chiều Lạnh

FTKS50FVM / RKS50FVM

Công suất lạnh 5,0 (1,7-6,0) kW
17.100 (5.800-20.500) Btu/h

FTKS60FVM / RKS60FVM

Công suất lạnh 6,0 (1,7-6,7) kW
20.500 (5.800-22.900) Btu/h

FTKS71FVM / RKS71FVM

Công suất lạnh 7,1 (2,3-8,3) kW
24.200 (7.800-28.300) Btu/h



RKS25/35EB và RXS25/35EB

Máy 02 chiều Lạnh/Sưởi

FTXS25EVMA / RXS25EBVMA

Công suất lạnh 2,5 (1,2-3,0) kW
8.500 (4.100-10.200) Btu/h
Công suất sưởi 3,4 (1,2-4,5) kW
11.600 (4.100-15.350) Btu/h

FTXS35EVMA / RXS35EBVMA

Công suất lạnh 3,5 (1,2-3,8) kW
11.900 (4.100-12.950) Btu/h
Công suất sưởi 4,0 (1,2-5,0) kW
13.600 (4.100-17.050) Btu/h



RKS50/60/71F và RXS50/60F

RKS71F

Máy 02 chiều Lạnh/Sưởi

FTXS50FVMA / RXS50FVMA

Công suất lạnh 5,0 (1,7-6,0) kW
17.100 (5.800-20.500) Btu/h
Công suất sưởi 5,8 (1,7-7,7) kW
19.800 (5.800-26.300) Btu/h

FTXS60FVMA / RXS60FVMA

Công suất lạnh 6,0 (1,7-6,7) kW
20.500 (5.800-22.900) Btu/h
Công suất sưởi 7,0 (1,7-8,0) kW
23.900 (5.800-27.300) Btu/h

FTXS71FVMA / RXS71FVMA

Công suất lạnh 7,1 (2,3-8,5) kW
24.200 (7.800-29.000) Btu/h
Công suất sưởi 8,2 (2,3-10,0) kW
28.000 (7.900-34.100) Btu/h

INVERTER



INVERTER



Thông số kỹ thuật

Máy 1 chiều lạnh

| Tên Model | Dàn lạnh | | FTKS25EVMA | FTKS35EVMA | FTKS50FVM | FTKS60FVM | FTKS71FVM | | |
|-------------------------------|------------------------------------|----------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--|--|
| | Dàn nóng | | RKS25EBVMA | RKS35EBVMA | RKS50FVM | RKS60FVM | RKS71FVM | | |
| Công suất | Danh định | kW | 2,5 (1,2-3,0) | 3,5 (1,2 - 3,8) | 5,0 (1,7-6,0) | 6,0 (1,7-6,7) | 7,1 (2,3-8,3) | | |
| | (tối thiểu - tối đa) | Btu/h | 8.500 (4.100-10.200) | 11.900 (4.100-12.950) | 17.100 (5.800-20.500) | 20.500 (5.800-22.900) | 24.200 (7.800-28.300) | | |
| Điện nguồn | 1 phase 220-240V/220-230V, 50/60Hz | | | | | | | | |
| Cường độ dòng điện | Danh định | A | 3,5 | 4,9 | 7,2 | 9,2 | 11,5 | | |
| Công suất điện tiêu thụ | Danh định | W | 600 (300-800) | 1.020 (300-1.200) | 1.550 (440-2.080) | 1.990 (440-2.400) | 2.510 (570-3.580) | | |
| | (tối thiểu - tối đa) | | | | | | | | |
| COP | Danh định | W/W | 4,17 | 3,43 | 3,23 | 3,02 | 2,83 | | |
| Dàn lạnh | | | FTKS25EVMA | FTKS35EVMA | FTKS50FVM | FTKS60FVM | FTKS71FVM | | |
| Màu mặt nạ | Trắng | | | | | | | | |
| Lưu lượng gió (cao) | m ³ /min (cfm) | | 8,7 (307) | 8,9 (314) | 14,7 (519) | 16,2 (572) | 17,4 (614) | | |
| Tốc độ quạt | 5 cấp, yên lặng và tự động | | | | | | | | |
| Độ ồn (cao/thấp/cực thấp) | | dB(A) | 37/25/22 | 38/26/23 | 43/34/31 | 45/36/33 | 46/37/34 | | |
| Kích thước (cao x rộng x dày) | | mm | 283 x 800 x 195 | | 290 x 1.050 x 238 | | | | |
| Khối lượng máy | | kg | 9 | | 12 | | | | |
| Dàn nóng | | | RKS25EBVMA | RKS35EBVMA | RKS50FVM | RKS60FVM | RKS71FVM | | |
| Màu vỏ máy | Trắng ngà | | | | | | | | |
| Máy nén | Kiểu | Swing dạng kín | | | | | | | |
| Môi chất nạp (R-410A) | Công suất điện | W | 600 | | 1.100 | | 1.920 | | |
| | | kg | 1,0 | | 1,5 | | 2,0 | | |
| Độ ồn (cao/thấp) | | dB(A) | 46/43 | 47/44 | 47/44 | 49/46 | 53/49 | | |
| Kích thước (cao x rộng x dày) | | mm | 550 x 765 x 285 | | 735 x 825 x 300 | | | | |
| Khối lượng máy | | kg | 34 | | 47 | | | | |
| Dây hoạt động | | °CDB | 10 đến 46 | | | | | | |
| Kích cỡ đường ống | Lồng | | Ø 6,4 | | | | | | |
| | Hơi | mm | Ø9,5 | | Ø 12,7 | | Ø 15,9 | | |
| | Nước xả | | Ø 18 | | | | | | |
| Chiều dài đường ống tối đa | | m | 20 | | 30 | | | | |
| Chênh lệch độ cao tối đa | | m | 15 | | 20 | | | | |

Máy 2 chiều lạnh/sưởi

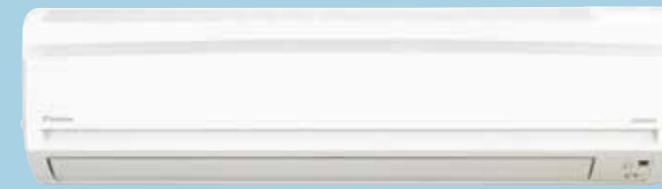
| Tên Model | Dàn lạnh | | FTXS25EVMA | FTXS35EVMA | FTXS50FVMA | FTXS60FVMA | FTXS71FVMA | | |
|-------------------------------|----------------|----------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--|
| | Dàn nóng | | RXS25EBVMA | RXS35EBVMA | RXS50FVMA | RXS60FVMA | RXS71FVMA | | |
| Công suất | Lạnh | Danh định | kW | 2,5 (1,2-3,0) | 3,5 (1,2-3,8) | 5,0 (1,7-6,0) | 6,0 (1,7-6,7) | 7,1 (2,3-8,5) | |
| | | (tối thiểu - tối đa) | Btu/h | 8.500 (4.100-10.200) | 11.900 (4.100-12.950) | 17.100 (5.800-20.500) | 20.500 (5.800-22.900) | 24.200 (7.800-29.000) | |
| Điện nguồn | Sưởi | Danh định | kW | 3,4 (1,2-4,5) | 4,0 (1,2-5,0) | 5,8 (1,7-7,7) | 7,0 (1,7-8,0) | 8,2 (2,3-10,0) | |
| | | (tối thiểu - tối đa) | Btu/h | 11.600 (4.100-15.350) | 13.600 (4.100-17.050) | 19.800 (5.800-26.300) | 23.900 (5.800-27.300) | 28.000 (7.900-34.100) | |
| Cường độ dòng điện | Lạnh | Danh định | A | 3,5 | 4,9 | 7,2 | 9,2 | 10,8 | |
| Công suất điện tiêu thụ | Sưởi | Danh định | W | 600 (300-800) | 1.020 (300-1.200) | 1.550 (440-2.080) | 1.980 (440-2.390) | 2.360 (570-3.200) | |
| | | (tối thiểu - tối đa) | | 830 (290-1.340) | 1.080 (290-1.550) | 1.600 (400-2.530) | 2.040 (400-2.810) | 2.520 (520-3.730) | |
| COP | Lạnh | Danh định | W/W | 4,17 | 3,43 | 3,23 | 3,03 | 3,01 | |
| Dàn lạnh | Sưởi | | | FTXS25EVMA | FTXS35EVMA | FTXS50FVMA | FTXS60FVMA | FTXS71FVMA | |
| | | Màu mặt nạ | Trắng | | | | | | |
| Lưu lượng gió (cao) | Lạnh | m ³ /min (cfm) | | 8,7 (307) | 8,9 (314) | 14,7 (519) | 16,2 (572) | 17,4 (614) | |
| Tốc độ quạt | Sưởi | | | 9,4 (332) | 9,7 (342) | 16,2 (572) | 17,4 (614) | 21,5 (759) | |
| | | 5 cấp, yên lặng và tự động | | | | | | | |
| Độ ồn (cao/thấp/cực thấp) | Lạnh | dB (A) | | 37/25/22 | 38/26/23 | 44/35/32 | 45/36/33 | 46/37/34 | |
| Kích thước (cao x rộng x dày) | Sưởi | | | 37/28/25 | 38/29/26 | 42/33/30 | 44/35/32 | 46/37/34 | |
| | | mm | 283 x 800 x 195 | | 290 x 1.050 x 238 | | | | |
| Khối lượng máy | | kg | 9 | | 12 | | | | |
| Dàn nóng | | | RXS25EBVMA | RXS35EBVMA | RXS50FVMA | RXS60FVMA | RXS71FVMA | | |
| Màu vỏ máy | Trắng ngà | | | | | | | | |
| Máy nén | Máy nén | | Swing dạng kín | | | | | | |
| Môi chất nạp (R-410A) | Công suất điện | w | 600 | | 1.100 | | 1.920 | | |
| | | kg | 1,0 | | 1,5 | | 2,0 | | |
| Độ ồn (cao/thấp) | Lạnh | dB (A) | 46/43 | 47/44 | 47/44 | 49/46 | 52/49 | | |
| Kích thước (cao x rộng x dày) | Sưởi | | 47/44 | 48/45 | 48/45 | 49/46 | 52/49 | | |
| | | mm | 550 x 765 x 285 | | 735 x 825 x 300 | | 770 x 900 x 320 | | |
| Khối lượng máy | | kg | 34 | | 48 | | | | |
| Dây hoạt động | Lạnh | °CDB | 10 đến 46 | | | | | | |
| | Sưởi | °CWB | -10 đến 20 | | -15 đến 18 | | | | |
| Kích cỡ đường ống | Lồng | | Ø 6,4 | | | | | | |
| | Hơi | mm | Ø9,5 | | Ø 12,7 | | Ø 15,9 | | |
| | Nước xả | | Ø 18 | | | | | | |
| Chiều dài đường ống tối đa | | m | 20 | | 30 | | | | |
| Chênh lệch độ cao tối đa | | m | 15 | | 20 | | | | |

Ghi chú: Giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz

Điều kiện đo

- Công suất lạnh ứng với: nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB; chiều dài đường ống tương đương 7,5m.
- Công suất sưởi ứng với: nhiệt độ trong phòng 20°CDB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB; chiều dài đường ống tương đương 7,5m.
- Độ ồn dựa trên điều kiện nhiệt độ như 1. và 2. Đây là giá trị qui đổi trong điều kiện không đối âm. Trong quá trình hoạt động thực tế có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

Dãy sản phẩm máy ĐHKK Daikin đa dạng và phong phú về chủng loại, đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng cũng như qui mô công trình. Kiểu dáng trang nhã phù hợp với mọi không gian nội thất.



FTKS50/60/71F và FTXS50/60/71F



RKS50/60/71F và RXS50/60F

RKS71F

Máy 01 chiều Lạnh

FTKS50FVM / RKS50FVM
 Công suất lạnh 5,0 (1,7-6,0) kW
 17.100 (5.800-20.500) Btu/h

FTKS60FVM / RKS60FVM
 Công suất lạnh 6,0 (1,7-6,7) kW
 20.500 (5.800-22.900) Btu/h

FTKS71FVM / RKS71FVM
 Công suất lạnh 7,1 (2,3-8,3) kW
 24.200 (7.800-28.300) Btu/h

Máy 02 chiều Lạnh/Sưởi

FTXS50FVMA / RXS50FVMA
 Công suất lạnh 5,0 (1,7-6,0) kW
 17.100 (5.800-20.500) Btu/h
 Công suất sưởi 5,8 (1,7-7,7) kW
 19.800 (5.800-26.300) Btu/h

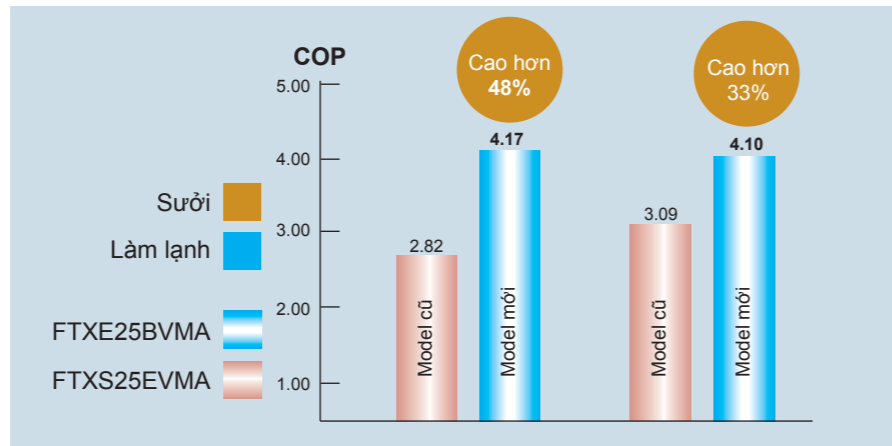
FTXS60FVMA / RXS60FVMA
 Công suất lạnh 6,0 (1,7-6,7) kW
 20.500 (5.800-22.900) Btu/h
 Công suất sưởi 7,0 (1,7-8,0) kW
 23.900 (5.800-27.300) Btu/h

FTXS71FVMA / RXS71FVMA
 Công suất lạnh 7,1 (2,3-8,5) kW
 24.200 (7.800-29.000) Btu/h
 Công suất sưởi 8,2 (2,3-10,0) kW
 28.000 (7.900-34.100) Btu/h



DẪN ĐẦU VỀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Áp dụng công nghệ tiên tiến Biến tần DC với điểm nổi bật là động cơ máy nén từ trở DC và động cơ quạt DC. Công nghệ cao về tiết kiệm điện năng này được hoàn thiện nhờ máy nén Daikin swing và điều khiển PAM làm cho máy lạnh Daikin đạt đến chỉ số COP cực đại 4.17, không máy nào sánh được.

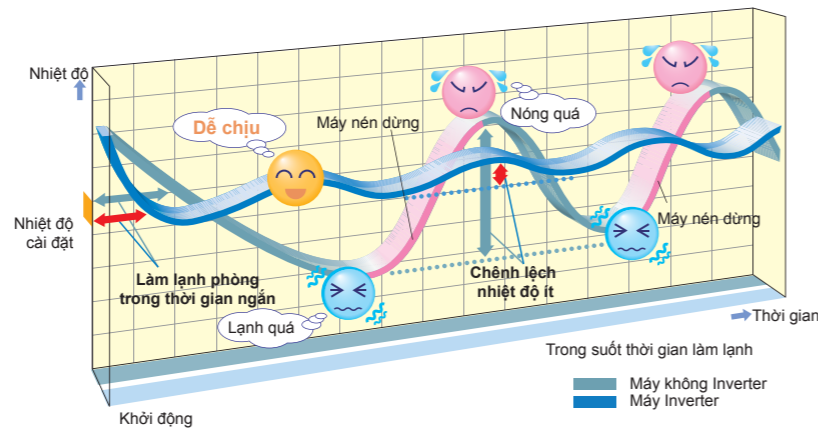


Tính ưu việt của máy Inverter so với máy không Inverter

Inverter là công nghệ làm thay đổi công suất vận hành thông qua việc điều chỉnh tần số. Máy ĐHKK Inverter có thể thay đổi công suất sưởi hay làm lạnh bằng cách điều chỉnh tần số cấp nguồn của máy nén. Trong khi đó, máy ĐHKK loại thường có công suất sưởi hay làm lạnh cố định và chỉ có thể điều chỉnh nhiệt độ dàn lạnh bằng cách chạy hay dừng máy nén.

Tiết Kiệm Năng Lượng

Sau khi nhiệt độ phòng đạt đến nhiệt độ cài đặt, bộ điều khiển biến tần sẽ điều chỉnh công suất vận hành ở chế độ thấp với điện năng tối thiểu để duy trì nhiệt độ này. Việc này cho thấy máy Inverter tiết kiệm điện hơn máy không Inverter vì máy không Inverter phải chạy hay dừng máy nén nhiều lần để duy trì nhiệt độ phòng, sẽ tiêu tốn năng lượng hơn.



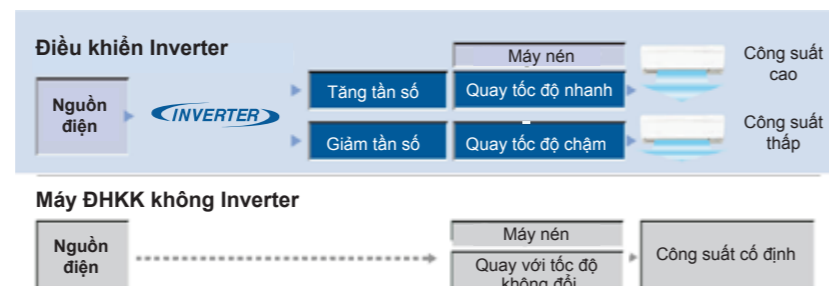
Mạnh mẽ

Máy ĐHKK Inverter đạt đến công suất cực đại ngay khi khởi động làm cho nhiệt độ phòng lạnh lên rất nhanh.

Dễ chịu

Máy ĐHKK Inverter điều chỉnh công suất dựa theo sự thay đổi đến nhu cầu về tải lạnh do chênh lệch giữa nhiệt độ phòng và nhiệt độ cài đặt nhỏ nên có thể chúng ta cảm thấy thoải mái hơn khi sử dụng máy không Inverter.

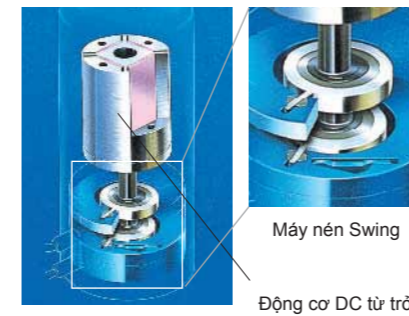
Công Suất Hoạt Động Biến Thiên



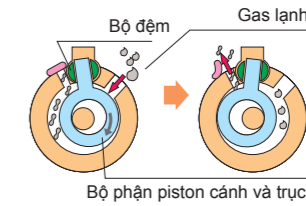
Máy ĐHKK Inverter có thể thay đổi công suất hoạt động tùy theo nhu cầu để tiết kiệm năng lượng. Máy không Inverter chỉ hoạt động ở công suất cố định.

Công nghệ tiết kiệm năng lượng hàng đầu INVERTER

Máy nén Swing



Máy nén swing làm giảm ma sát, tránh va đập và hạn chế rò rỉ ga trong suốt quá trình nén. Đặc tính ưu việt này giúp máy hoạt động êm hơn và đạt hiệu suất cao hơn.



Máy nén swing có thể giảm thiểu rung động và độ ồn nhờ piston chuyển động một cách êm ả.

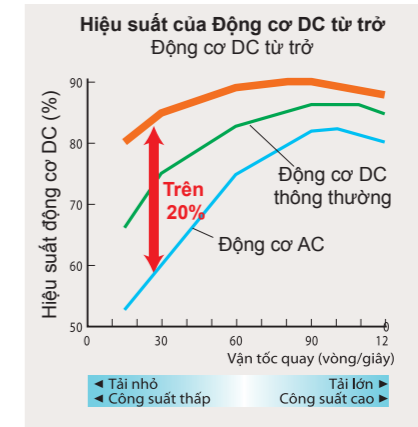


Động Cơ Máy Nén DC Từ Trở



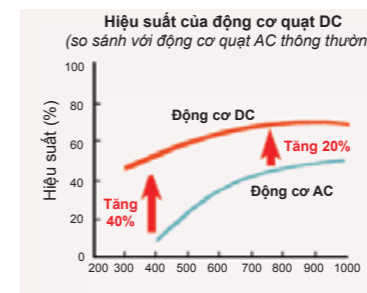
* Nam châm neodym (khu vực màu hồng) mạnh hơn gấp 10 lần so với nam châm ferrite thông thường

Các sản phẩm DC Inverter của Daikin đều được trang bị động cơ máy nén DC từ trở. Động cơ này sử dụng hai loại moment xoắn khác nhau là nam châm neodym và moment từ trở. Động cơ loại này giúp tiết kiệm năng lượng hơn do sinh công lớn hơn mà tiêu thụ điện ít hơn loại AC hoặc DC thông thường. Đặc biệt hiệu quả khi hoạt động ở tần số thấp, là khoảng hoạt động thường gặp ở máy lạnh, nâng hiệu suất lên đến xấp xỉ 20%.



Động Cơ Quạt DC

Động cơ DC điều khiển vòng quay mịn hơn, làm giảm thiểu sự tiêu thụ điện năng. Động cơ cũng được cải tiến để tăng hiệu suất lên 40% so với động cơ AC. Những cải tiến này đặc biệt hiệu quả ở tốc độ thấp.



Điều khiển PAM



Điều khiển PAM (Pulse Amplitude Modulation) làm giảm thất thoát năng lượng bằng bộ chuyển mạch.

Dc Inverter là gì?

Daikin gọi các sản phẩm Inverter là những sản phẩm được trang bị động cơ DC Inverter. Động cơ DC thường cho hiệu quả vận hành cao hơn động cơ AC. Động cơ DC sử dụng lực của nam châm để hút và đẩy làm cho động cơ quay. Động cơ DC có trang bị nam châm neodym mạnh mẽ hơn, tạo ra hiệu suất lớn hơn, và được gọi là động cơ DC từ trở.

HOẠT ĐỘNG CỰC KỲ HIỆU QUẢ

Máy ĐHKK Inverter Daikin áp dụng công nghệ tiên tiến giúp tránh thất thoát năng lượng đến mức tuyệt đối, làm cho máy hoạt động với hiệu suất cao nhất mà tiêu thụ điện năng ở mức thấp nhất.

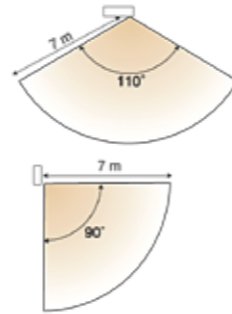


Mắt thần thông minh

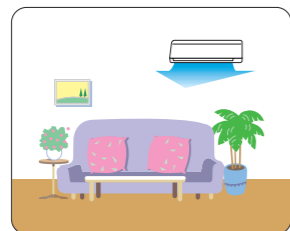
Mắt thần thông minh giúp ngăn ngừa lãng phí điện năng bằng cảm biến hồng ngoại để dò tìm sự chuyển động trong phòng. Khi không có người, máy sẽ tự động tăng nhiệt độ lên 2°C để tiết kiệm đến 20% năng lượng (cho chế độ làm lạnh) và 30% năng lượng (cho chế độ sưởi). Trong trường hợp chúng ta ra ngoài mà quên tắt máy thì chức năng này làm giảm lãng phí điện năng hiệu quả nhất.



Đèn hiển thị Mắt thần khi dò tìm chuyển động. Bộ cảm biến mắt thần thông minh.



Khi có người trong phòng, máy lạnh sẽ hoạt động theo nhiệt độ cài đặt.



Khi Mắt thần dò tìm không có người chuyển động trong 20 phút, nó sẽ tự động tăng nhiệt độ lên 2°C



Khi có người vào lại phòng, máy sẽ tự động trở lại nhiệt độ đã cài đặt.

Nút nhấn điều khiển chế độ Econo.

Nút nhấn kích hoạt chế độ Mắt thần thông minh

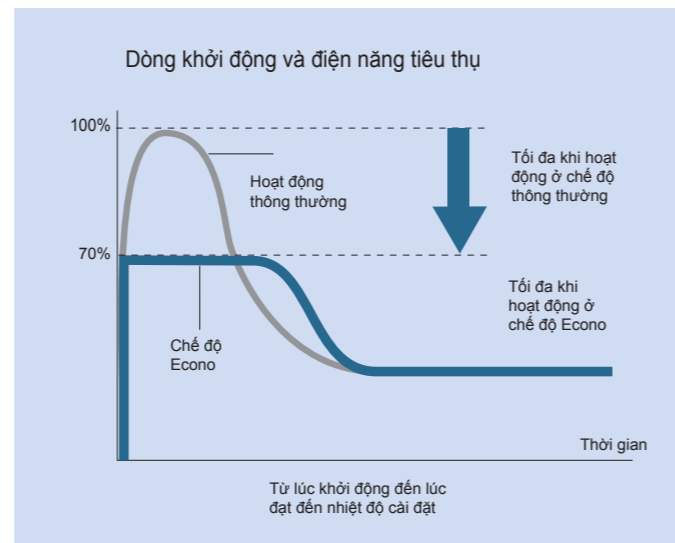


Chức năng Econo

Chức năng này hạn chế dòng khởi động và điện năng tiêu thụ hoạt động ở mức tối đa đến 70% trong suốt chế độ vận hành thông thường. Nó sẽ đặc biệt hiệu quả khi có nhu cầu tải lớn như khi mới khởi động máy hoặc khi cần tải điều hòa cao. Lúc này, chức năng này sẽ duy trì năng suất tối đa khoảng 80% so với bình thường, làm tăng hiệu suất hoạt động mặc dù cần phải có thời gian lâu hơn để đạt đến nhiệt độ cài đặt.

Chức năng ECONO còn có tác dụng ngăn ngừa CB quá tải tại những thời điểm tải làm lạnh lớn tạm thời. Dễ dàng kích hoạt chức năng này từ bộ điều khiển qua việc nhấn nút ECONO.

Có sẵn đối với máy 1HP/1.5HP



Chế độ Dàn Lạnh Hoạt Động Êm

Chức năng này cho phép có nhiều chọn lựa cài đặt tốc độ quạt như 5 bước, chế độ hoạt động êm hoặc tự động cài đặt. Chế Độ Hoạt Động Êm sẽ chọn chế độ Dàn Lạnh Hoạt Động Êm, làm giảm độ ồn thấp hơn 3dB so với cài đặt ở chế độ thấp.

Việc chọn lựa nhiều chế độ cài đặt cho phép chúng ta điều khiển chính xác tốc độ quạt tùy theo nhu cầu. Chẳng hạn chế độ Dàn Lạnh Hoạt Động Êm cho giấc ngủ ngon hơn vì máy hoạt động cực êm.



FTK(X)S25E

| Tốc độ quạt | Độ ồn |
|-------------|-------|
| Cao (H) | 37 dB |
| Thấp (L) | 25 dB |
| Cực êm (SL) | 22 dB |

3 dB

| | Auto | SL | L | M | H |
|-------------|---|----|---|---|---|
| Tốc độ quạt | | | | | |
| Độ ồn | Mỗi cấp điều chỉnh lưu lượng gió làm giảm độ ồn xuống 2 hoặc 3 dB | | | | |



Biểu tượng Dàn Lạnh Hoạt Động Êm

Điều chỉnh tốc độ quạt và Dàn Lạnh Hoạt Động Êm

Chế độ Dàn Nóng Hoạt Động Êm



Chế độ Dàn Nóng Hoạt Động Êm

Chức năng này làm giảm độ ồn 3dB so với hoạt động thông thường.

Có sẵn cho tất cả các máy từ 1HP đến 3HP

Công suất có thể giảm khi chọn chế độ này

RK(X)S25EB

| Hoạt động | Độ ồn |
|---------------|-------|
| Danh định (H) | 46 dB |
| Thấp (L) | 43 dB |

3 dB



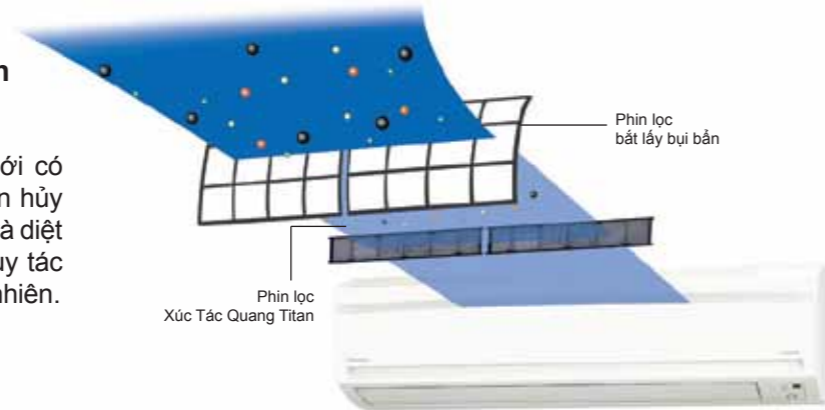
MÔI TRƯỜNG SỐNG HOÀN HẢO

Máy ĐHKK Daikin với công nghệ lọc sạch không khí hoàn hảo, tạo ra môi trường sống trong lành, giúp bảo vệ sức khỏe cho người sử dụng.

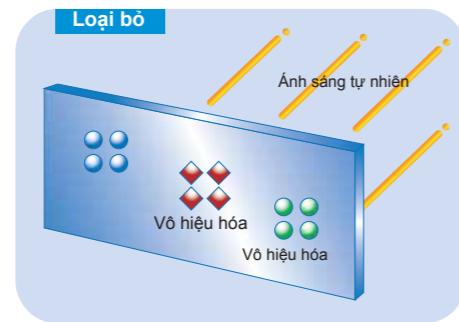
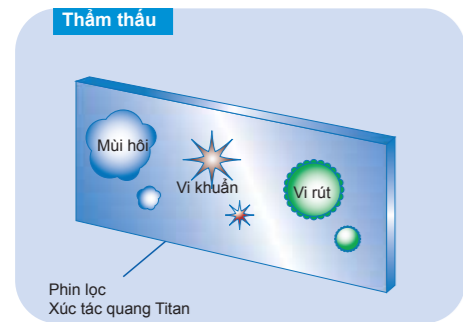


Phin lọc Xúc Tác Quang Titan

Titan là vật liệu xúc tác quang mới có khả năng thẩm thấu mạnh và phân hủy các vi khuẩn và vi rút, khử mùi hôi và diệt nấm mốc. Chức năng này phát huy tác dụng mạnh mẽ dưới ánh sáng tự nhiên.



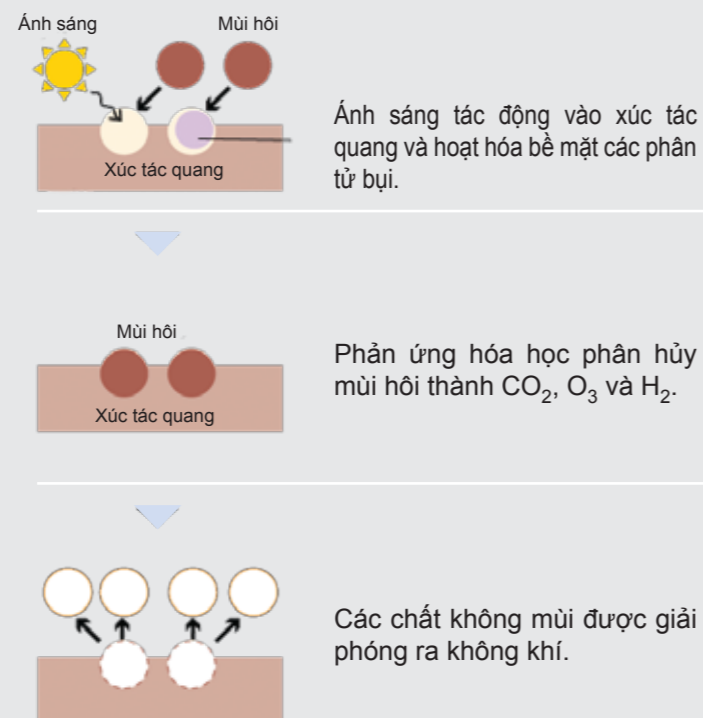
Hiệu quả lọc sạch của xúc tác quang Titan



Titan có tác dụng thẩm thấu cực mạnh vi khuẩn và vi rút. Đồng thời, xúc tác quang oxy hóa và phân hủy các mùi hôi. Vi rút kết thành khối protein và bị loại bỏ.

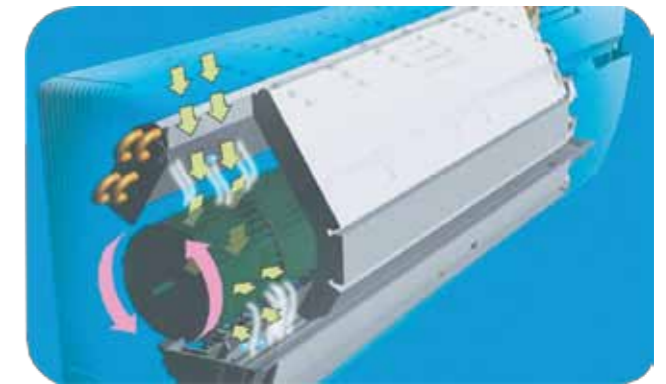
Cơ chế xúc tác quang

Phi lọc sạch không khí với Xúc Tác Quang Titan là vật liệu mới có năng lực thẩm thấu mạnh và phát huy tác dụng dưới ánh sáng mặt trời.



Chống Nấm Mốc

Khi ngưng chức năng làm lạnh hoặc làm khô, máy sẽ tự động hoạt động ở chế độ chỉ chạy quạt trong 1 giờ để làm khô bên trong dàn lạnh nhằm làm giảm sự phát sinh nấm mốc và các mùi khó chịu.



Vệ Sinh Dễ Dàng

Với thiết kế mặt nạ phẳng dễ lau chùi, rất tiện lợi cho việc làm vệ sinh dàn lạnh chỉ bằng thao tác cực kỳ đơn giản. Ngoài ra, cũng có thể tháo lắp mặt nạ dễ dàng trong trường hợp cần làm vệ sinh bên trong.



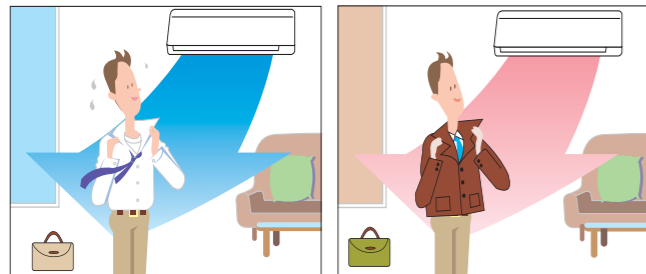
CHO CUỘC SỐNG TIỆN NGHI VÀ THOẢI MÁI

Sảng khoái với luồng khí mạnh mẽ

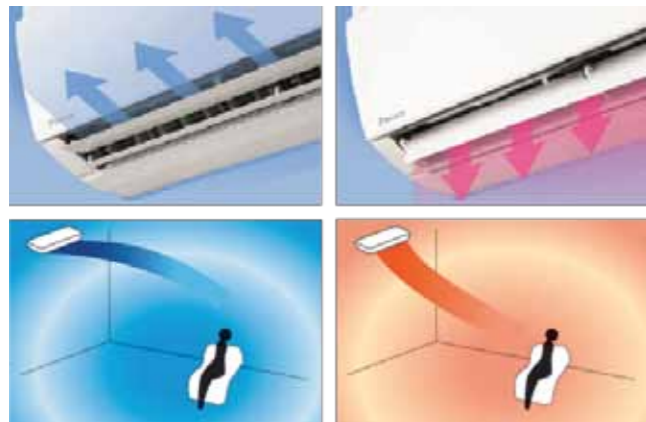


chức năng Hoạt Động Biến Tần Mạnh Mẽ giúp đạt đến cực đại chế độ lạnh/sưởi trong thời gian 20 phút. Chức năng này tiện lợi cho tất cả khi chúng ta mới mở máy và khi muốn thay đổi nhiệt độ nhanh chóng trong khi máy đang vận hành.

Hệ Thống Đảo Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ và Góc Hướng Dòng Rộng hoạt động luân phiên giúp phân bố gió đều khắp căn phòng và cả phương đứng lẫn phương ngang.

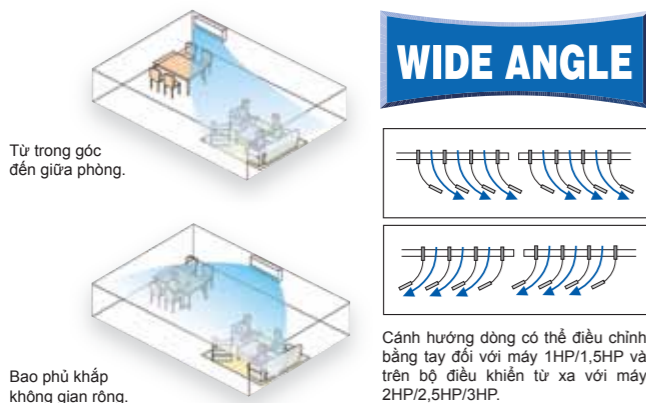


Đảo Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ



Lạnh Cánh đảo gió dẫn trái hơi lạnh đều khắp đến tận cùng các góc của căn phòng. **Sưởi** Cánh đảo gió thổi hơi ấm xuống sàn để sưởi nhanh cả không gian.

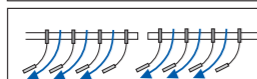
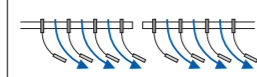
Cánh Hướng Dòng Rộng



Từ trong góc đến giữa phòng.

Bao phủ khắp không gian rộng.

WIDE ANGLE



Cánh hướng dòng có thể điều chỉnh bằng tay đối với máy 1HP/1,5HP và trên bộ điều khiển từ xa với máy 2HP/2,5HP/3HP.



Chức năng Đảo Gió Tự Động Theo Phương Đứng tự động di chuyển cánh đảo gió theo chiều lên và xuống. Chức năng Đảo Gió Tự Động Theo Phương Ngang tự động di chuyển cánh hướng dòng sang trái và phải. Luồng Khí 3 Chiều kết hợp cả đảo chiều tự động theo phương Đứng và phương Ngang giúp luân chuyển không khí đều khắp đến mọi nơi của căn phòng, ngay cả ở những không gian rộng lớn.



Nhiệt độ đồng nhất cho khắp căn phòng



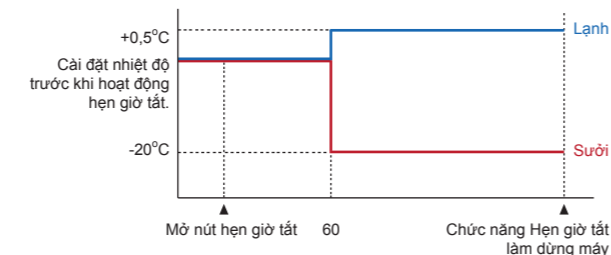
Để dàng khởi động máy bằng tay trong trường hợp bộ điều khiển từ xa bị mất hoặc hết pin.



Nút tắt mở trên dàn lạnh



Khi nhấn nút hẹn giờ Tắt sẽ tự động chọn chức năng Cài Đặt Vào Ban Đêm. Chức năng này ngăn ngừa sự thay đổi nhiệt độ đột ngột trong phòng bằng cách tăng/giảm nhiệt độ từ từ trước khi máy ngừng hoạt động, chúng ta sẽ có được giấc ngủ ngon hơn.



Chế độ làm lạnh

Nhiệt độ phòng tăng lên 0,5°C sau 60 phút, trong khi vẫn duy trì độ ổn tối thiểu của dàn nóng. Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 27°C, nhiệt độ phòng tăng thêm 0,5°C sau 90 phút. Áp dụng cho máy 2HP/2,5HP/3HP.

Chế độ sưởi

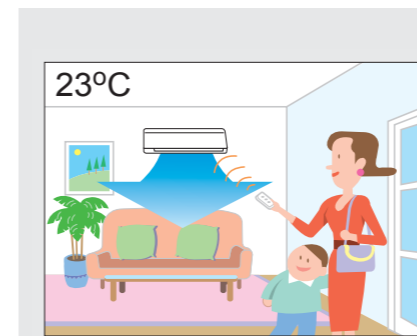
Nhiệt độ phòng hạ xuống khoảng 2°C sau 60 phút.

Cho cuộc sống tiện nghi



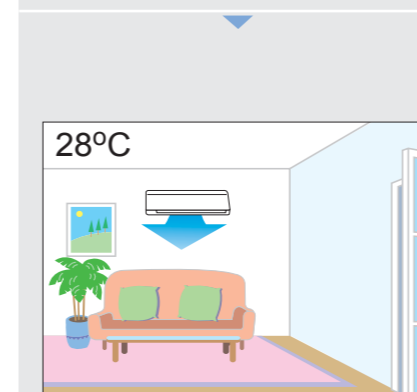
Chức Năng Hoạt Động Khi Vắng Nhà nhằm hạn chế việc tăng hoặc giảm nhiệt độ phòng trong khi máy vẫn hoạt động khi chúng ta ngủ hoặc rời khỏi nhà. Sau khi thức dậy hoặc trở về, nhiệt độ phòng sẽ nhanh chóng trở lại theo chế độ cài đặt ban đầu.

* Chức năng này được cài đặt ở nhiệt độ từ 18°C đến 32°C cho hoạt động làm lạnh và 10 đến 30°C cho hoạt động sưởi. Có sẵn ở máy 2HP/2,5HP/3HP

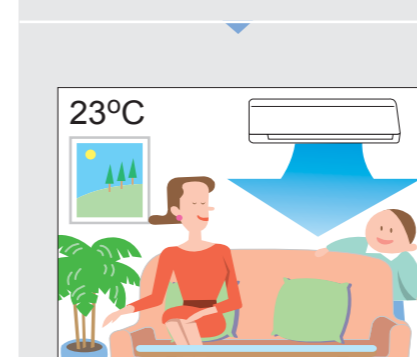


Nhấn một lần

Khi vận hành ở chế độ làm lạnh, nhiệt độ phòng cài đặt ở 23°C và 28°C cho chức năng hoạt động khi vắng nhà. Khởi động chức năng này bằng cách nhấn nút HOME LEAVE trên bộ điều khiển.



Khi chúng ta ra khỏi nhà, máy điều hòa ngăn việc tăng/giảm nhiệt độ phòng, vẫn duy trì nhiệt độ cài đặt bằng chức năng Vắng nhà.



Nhấn lần nữa

Khi trở về, chỉ cần nhấn nút chức năng này lần nữa để trở về nhiệt độ cài đặt trước đó và đón nhận sự sảng khoái.

Tin cậy



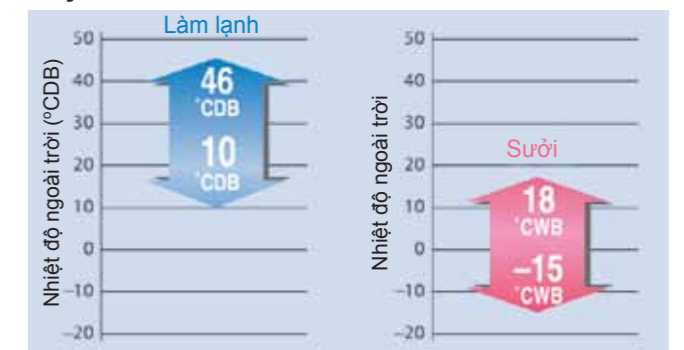
Dàn nóng Daikin có các cánh tản nhiệt được xử lý chống ăn mòn đặc biệt. Bề mặt được phủ lớp nhựa acrylic làm tăng cường khả năng chống lại mưa axit và hơi muối. Kể đến là lớp màng có khả năng thấm nước có tác dụng chống rỉ sét gây ra do nước đọng.



Dãy Hoạt Động Rộng

Ngay cả trong mùa đông lạnh lẽo, khi có tiệc đông người hay thay đổi đột ngột nhiệt độ trong nhà có thể làm cho phòng trở nên quá nóng. Với loại máy 2 chiều 2HP/2,5HP/3HP, chức năng làm lạnh vẫn hoạt động khi nhiệt độ ngoài trời xuống dưới 10°C. Chức năng sưởi hoạt động khi nhiệt độ ngoài trời từ -15°C đến 18°C. Điều này thật lý tưởng cho các khu vực có khí hậu lạnh.

Máy 2 chiều FTXS50/60/71F



Lắp đặt

Đường ống dài cực đại cho phép việc lắp đặt dễ dàng hơn. Ngay cả khi không có chỗ cho dàn nóng đặt gần dàn lạnh, vẫn đi đường ống xa được và bảo vệ vẻ mỹ quan cho ngôi nhà.

| | Độ dài đường ống tối đa | Chênh lệch độ cao tối đa |
|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Máy 1HP/1,5HP | 20m | 15m |
| Máy 2HP/2,5HP/3HP | 30m | 20m |

TOM TẮT TÍNH NĂNG VƯỢT TRỘI

Luồng khí sáng khoái

| | |
|--|---|
| | Đào Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ Chức năng Đào Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ có thể dàn trải hơi lạnh đều khắp đến tận cùng các góc của căn phòng hay thổi trực tiếp hơi ấm xuống sàn để sưởi nhanh cả không gian. |
| | Cánh Hướng Dòng Rộng Cánh Hướng Dòng với mặt cong phẳng cho luồng khí mạnh mẽ đến mọi khu vực cho dù dàn lạnh đặt ở bất kỳ vị trí nào. |
| | Đào Gió Tự Động Theo Phương Đứng (lên và xuống) Chức năng này tự động di chuyển cánh đảo gió theo chiều lên và xuống để phân bố gió đều khắp căn phòng. |
| | Đào Gió Tự Động Theo Phương Ngang (trái và phải) Chức năng này tự động di chuyển cánh hướng dòng sang trái và phải để hơi lạnh/ấm bao trùm cả không gian sống. |
| | Luồng Khí 3 Chiều Chức năng này kết hợp cả Đào Chiều Tự Động theo phương Đứng và phương Ngang giúp luân chuyển hơi lạnh/ấm đến mọi nơi của căn phòng, ngay cả ở những không gian rộng lớn. |

Tiện nghi cho cuộc sống

| | |
|--|--|
| | Chế độ ECONO Chức năng này hạn chế tối đa dòng khởi động và điện năng tiêu thụ đến 70% so với vận hành thông thường, trong khi vẫn duy trì công suất tối đa ở 80%. Nó làm tăng hiệu suất hoạt động và còn ngăn ngừa CB quá tải. |
| | Hoạt Động Biến Tần Mạnh Mẽ Chức năng này tiện lợi khi muốn đạt đến cực đại chế độ lạnh/sưởi trong thời gian 20 phút cả khi chúng ta mới mở máy hoặc muốn thay đổi nhanh nhiệt độ phòng. |
| | Hoạt Động Khi Vắng Nhà Chức năng Hoạt Động Khi Vắng Nhà giúp cho căn phòng không trở nên quá nóng hay quá lạnh khi chúng ta ngủ hoặc rời khỏi nhà. Chọn bất kỳ nhiệt độ từ 18 đến 32°C cho hoạt động làm lạnh và 10 đến 30°C hoạt động sưởi. |
| | Nút Tắt/Mở trên Dàn lạnh Có nút Tắt/Mở thứ hai trên thân dàn lạnh nhằm giải quyết sự cố bị mất bộ điều khiển. |

Vận hành ưu việt

| | |
|----------------|---|
| | Dàn Lạnh Hoạt Động Êm Độ ồn của dàn lạnh khi hoạt động giảm 2 đến 3dB bằng cách chọn chế độ quạt từ bộ điều khiển. |
| | Dàn Nóng Hoạt Động Êm Độ ồn của dàn nóng khi hoạt động giảm 3 dB so với chế độ thông thường bằng việc khởi động trên bộ điều khiển. |
| | Mắt Thần Thông Minh Với cảm biến hồng ngoại tự động điều chỉnh hoạt động của máy điều hòa qua việc dò tìm chuyển động của người trong phòng. Khi không có chuyển động, nhiệt độ điều chỉnh khoảng $\pm 2^{\circ}\text{C}$ để tiết kiệm năng lượng đến 20% ở hoạt động làm lạnh và đến 30% ở hoạt động sưởi. |
| | Hoạt Động Tự Động Chức năng này tự động chọn chế độ làm lạnh hoặc sưởi dựa theo nhiệt độ phòng ở thời điểm khởi động. |
| | Chế Độ Làm Khô Chức năng này tự động giảm độ ẩm trong khi vẫn duy trì nhiệt độ phòng đã cài đặt trước đó. |
| | Tốc Độ Quạt Tự Động Bộ xử lý vi mạch tự động điều khiển tốc độ quạt để điều chỉnh nhiệt độ phòng đạt đến nhiệt độ cài đặt. |
| Hẹn giờ | |
| | Hẹn Giờ Tắt/Mở 24h Bộ hẹn giờ này có thể cài đặt trước để chạy hoặc dừng bất kỳ khi nào trong thời gian 24 giờ. Máy điều hòa được khởi động/tắt thật đơn giản với nút hẹn giờ Tắt/Mở trên bộ điều khiển từ xa. |
| | Chế Độ Hoạt Động Vào Ban Đêm Nhấn nút hẹn giờ Tắt sẽ tự động chọn Chế Độ Hoạt Động Ban Đêm. Chức năng này ngăn không cho nhiệt độ phòng thay đổi đột ngột bằng cách tăng/giảm nhẹ nhiệt độ trước khi máy điều hòa tắt, giúp giấc ngủ ngon hơn. |

An tâm

| | |
|--|--|
| | Tự Động Khởi Động Lại sau khi mất điện Khi xảy ra tình trạng mất điện, máy sẽ ghi nhớ các chế độ, lưu lượng gió, nhiệt độ, ... đã cài đặt và tự động trở lại cài đặt trước đó khi nguồn điện phục hồi. |
| | Tự Chuẩn Đoán với Màn hình tinh thể lỏng Chức năng này tiện lợi khi muốn đạt đến cực đại chế độ lạnh/sưởi trong thời gian 20 phút cả khi chúng ta mới mở máy hoặc muốn thay đổi nhanh nhiệt độ phòng. |
| | Dàn Nóng Được Xử Lý Chống Ăn Mòn Cánh tản nhiệt của dàn nóng được xử lý đặc biệt để chống ăn mòn, chống lại mưa a-xít và hơi muối biển. |

Vệ sinh

| | |
|--|--|
| | Phin lọc sạch Xúc Tác Quang Titan Phin lọc có vật liệu mới là xúc tác quang titan. Trong khi phin lọc bẫy các phân tử bụi nhỏ, xúc tác quang sẽ thu hút và phân hủy vi khuẩn và vi rút, dọn sạch nấm mốc và mùi hôi. Phin lọc này có thể dùng đến 3 năm với qui trình bảo dưỡng thích hợp. |
| | Hoạt Động Chống Nấm Mốc Chức năng này tự động chạy quạt trong khoảng 1 giờ khi đã ngừng chế độ làm lạnh hoặc làm khô. Việc này giúp ngăn ngừa nấm mốc và mùi hôi phát sinh ra bên trong dàn lạnh. |
| | Mặt Nạ Phẳng Dễ Lau Chùi Các máy có mặt nạ phẳng dễ dàng được vệ sinh trên bề mặt cũng như dễ tháo lắp để vệ sinh bên trong. |
| | Phin Lọc Chống Nấm Mốc Phin lọc có lớp phủ chống sự sản sinh của nấm mốc trên bề mặt của nó. |

Các tính năng khác

Chức Năng Sưởi Ấm Nhanh

Khi nhiệt độ bên ngoài xuống thấp, chức năng này làm nóng máy nén trước để rút ngắn thời gian cần thiết sưởi ấm không khí.

Tự Động Xả Đá

Trước khi khởi động chức năng sưởi, cảm biến sẽ kiểm tra độ bám tuyết ở dàn nóng và tự động xả đá (nếu cần) để chỉ có khí ấm thoát ra.

Khởi Động Nóng

Sau khi xả đá hoặc khi khởi động chức năng sưởi, không khí được làm nóng trước khi ra ngoài để tránh hiện tượng gió lạnh bất ngờ.

| Chức năng | Máy treo tường 01 chiều lạnh /2 chiều lạnh | |
|--|--|--------------------------|
| | FTK(X)S 25/35E | FTK(X)S 50/60/71F |
| Biến tần DC | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Luồng Khí Sáng Khoái | | |
| Đào Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Góc Hướng Dòng Rộng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Đào Gió Tự Động Theo Phương Đứng (lên và xuống) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Đào Gió Tự Động Theo Phương Ngang (trái và phải) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Luồng Khí 3 chiều | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Vận Hành Ưu Việt | | |
| Dàn Lạnh Hoạt Động Êm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dàn Nóng Hoạt Động Êm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Mắt Thần Thông Minh | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Hoạt Động Tự Động | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Chế Độ Làm Khô | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tốc Độ Quạt Tự Động | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tiện Nghi | | |
| Chế độ Econo | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Hoạt Động Biến Tần Mạnh Mẽ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Hoạt Động Khi Vắng Nhà | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nút Tắt/Mở Trên Dàn Lạnh | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Vệ Sinh | | |
| Phin Lọc Sạch Xúc Tác Quang Titan | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Hoạt Động Chống Nấm Mốc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Mặt Nạ Phẳng Dễ Lau Chùi | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Phin Lọc Khí Chống Nấm Mốc | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Hẹn Giờ | | |
| Hẹn Giờ Tắt/Mở 24 giờ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Chế Độ Hoạt Động Vào Ban Đêm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| An Tâm | | |
| Tự Khởi Động Lại Sau Khi Mất Điện | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tự Chuẩn Đoán Với Màn Hình KTS | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Chống Ăn Mòn Ở Cánh Tản Nhiệt Dàn Nóng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Thông số kỹ thuật

Máy 1 chiều lạnh

| Tên Model | Dàn lạnh | | FTKS25EVMA | FTKS35EVMA | FTKS50FVM | FTKS60FVM | FTKS71FVM | | |
|-------------------------------|------------------------------------|-------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----|--|
| | Dàn nóng | | RKS25EBVMA | RKS35EBVMA | RKS50FVM | RKS60FVM | RKS71FVM | | |
| Công suất | Danh định | kW | 2,5 (1,2-3,0) | 3,5 (1,2 - 3,8) | 5,0 (1,7-6,0) | 6,0 (1,7-6,7) | 7,1 (2,3-8,3) | | |
| | (tối thiểu - tối đa) | Btu/h | 8.500 (4.100-10.200) | 11.900 (4.100-12.950) | 17.100 (5.800-20.500) | 20.500 (5.800-22.900) | 24.200 (7.800-28.300) | | |
| Điện nguồn | 1 phase 220-240V/220-230V, 50/60Hz | | | | | | | | |
| Cường độ dòng điện | Danh định | A | 3,5 | 4,9 | 7,2 | 9,2 | 11,5 | | |
| Công suất điện tiêu thụ | Danh định | W | 600 (300-800) | 1.020 (300-1.200) | 1.550 (440-2.080) | 1.900 (440-2.400) | 2.510 (570-3.580) | | |
| | (tối thiểu - tối đa) | | | | | | | | |
| COP | Danh định | W/W | 4,17 | 3,43 | 3,23 | 3,02 | 2,83 | | |
| Dàn lạnh | | | FTKS25EVMA | FTKS35EVMA | FTKS50FVM | FTKS60FVM | FTKS71FVM | | |
| Màu mặt nạ | Trắng | | | | | | | | |
| Lưu lượng gió (cao) | m ³ /min (cfm) | | 8,7 (307) | 8,9 (314) | 14,7 (519) | 16,2 (572) | 17,4 (614) | | |
| Tốc độ quạt | 5 cấp, yên lặng và tự động | | | | | | | | |
| Độ ồn (cao/thấp/cực thấp) | dB(A) | | 37/25/22 | 38/26/23 | 43/34/31 | 45/36/33 | 46/37/34 | | |
| Kích thước (cao x rộng x dày) | mm | | 283 x 800 x 195 | | 290 x 1.050 x 238 | | | | |
| Khối lượng máy | kg | | 9 | | 12 | | | | |
| Dàn nóng | | | RKS25EBVMA | RKS35EBVMA | RKS50FVM | RKS60FVM | RKS71FVM | | |
| Màu vỏ máy | Trắng ngà | | | | | | | | |
| Máy nén | Kiểu | | Swing dạng kín | | | | | | |
| | Công suất điện | W | 600 | | 1.100 | | 1.920 | | |
| Môi chất nạp (R-410A) | kg | | 1,0 | | 1,5 | | 1,7 | | |
| Độ ồn (cao/thấp) | dB(A) | | 46/43 | 47/44 | 47/44 | 49/46 | 53/49 | | |
| Kích thước (cao x rộng x dày) | mm | | 550 x 765 x 285 | | | 735 x 825 x 300 | | | |
| Khối lượng máy | kg | | 34 | | 47 | | | 55 | |
| Dây hoạt động | °CDB | | 10 đến 46 | | | | | | |
| Kích cỡ đường ống | Lồng | mm | Ø 6,4 | | | | | | |
| | Hơi | | Ø9,5 | | Ø 12,7 | | Ø 15,9 | | |
| | Nước xả | | Ø 18 | | | | | | |
| Chiều dài đường ống tối đa | m | | 20 | | 30 | | | | |
| Chênh lệch độ cao tối đa | m | | 15 | | 20 | | | | |

Máy 2 chiều lạnh/sưởi

| Tên Model | Dàn lạnh | | FTXS25EVMA | FTXS35EVMA | FTXS50FVMA | FTXS60FVMA | FTXS71FVMA | | |
|-------------------------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|--|
| | Dàn nóng | | RXS25EBVMA | RXS35EBVMA | RXS50FVMA | RXS60FVMA | RXS71FVMA | | |
| Công suất | Lạnh | kW | 2,5 (1,2-3,0) | 3,5 (1,2-3,8) | 5,0 (1,7-6,0) | 6,0 (1,7-6,7) | 7,1 (2,3-8,5) | | |
| | | Btu/h | 8.500 (4.100-10.200) | 11.900 (4.100-12.950) | 17.100 (5.800-20.500) | 20.500 (5.800-22.900) | 24.200 (7.800-29.000) | | |
| Điện nguồn | Sưởi | kW | 3,4 (1,2-4,5) | 4,0 (1,2-5,0) | 5,8 (1,7-7,7) | 7,0 (1,7-8,0) | 8,2 (2,3-10,0) | | |
| | | Btu/h | 11.600 (4.100-15.350) | 13.600 (4.100-17.050) | 19.800 (5.800-26.300) | 23.900 (5.800-27.300) | 28.000 (7.900-34.100) | | |
| Điện nguồn | 1 phase, 220-240V, 220-230V, 50/60Hz | | | | | | | | |
| Cường độ dòng điện | Lạnh | m ³ /min | 3,5 | 4,9 | 7,2 | 9,2 | 10,8 | | |
| Công suất điện tiêu thụ | Sưởi | (cfm) | 4,3 | 5,1 | 7,4 | 9,4 | 11,6 | | |
| | Lạnh | Danh định | 600 (300-800) | 1.020 (300-1.200) | 1.550 (440-2.080) | 1.980 (440-2.390) | 2.360 (570-3.200) | | |
| COP | Sưởi | (tối thiểu - tối đa) | 830 (290-1.340) | 1.080 (290-1.550) | 1.600 (400-2.530) | 2.040 (400-2.810) | 2.520 (520-3.730) | | |
| | Lạnh | Danh định | 4,17 | 3,43 | 3,23 | 3,03 | 3,01 | | |
| Dàn lạnh | Sưởi | Danh định | 4,10 | 3,70 | 3,63 | 3,43 | 3,25 | | |
| | | | FTXS25EVMA | FTXS35EVMA | FTXS50FVMA | FTXS60FVMA | FTXS71FVMA | | |
| Màu mặt nạ | Trắng | | | | | | | | |
| Lưu lượng gió (cao) | Lạnh | m ³ /min | 8,7 (307) | 8,9 (314) | 14,7 (519) | 16,2 (572) | 17,4 (614) | | |
| Tốc độ quạt | Sưởi | (cfm) | 9,4 (332) | 9,7 (342) | 16,2 (572) | 17,4 (614) | 21,5 (759) | | |
| | Lạnh | Danh định | 5 cấp, yên lặng và tự động | | | | | | |
| Độ ồn (cao/thấp/cực thấp) | Sưởi | dB (A) | 37/25/22 | 38/26/23 | 44/35/32 | 45/36/33 | 46/37/34 | | |
| Kích thước (cao x rộng x dày) | Lạnh | | 37/28/25 | 38/29/26 | 42/33/30 | 44/35/32 | 46/37/34 | | |
| | Sưởi | | | | | | | | |
| Khối lượng máy | mm | | 283 x 800 x 195 | | | 290 x 1.050 x 238 | | 770 x 900 x 320 | |
| Dây hoạt động | kg | | 9 | | 12 | | | 71 | |
| | Lạnh | °CDB | 10 đến 46 | | | | | | |
| Kích cỡ đường ống | Sưởi | °CWB | -10 đến 20 | | | | | | |
| | Lồng | mm | Ø 6,4 | | | | | | |
| | Hơi | | Ø9,5 | | Ø 12,7 | | Ø 15,9 | | |
| Chiều dài đường ống tối đa | Nước xả | | Ø 18 | | | | | | |
| Chênh lệch độ cao tối đa | m | | 20 | | 30 | | | | |
| | m | | 15 | | 20 | | | | |

Ghi chú: Giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz

Điều kiện đo
 1. Công suất lạnh ứng với: nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB; chiều dài đường ống tương đương 7,5m.
 2. Công suất sưởi ứng với: nhiệt độ trong phòng 20°CDB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB; chiều dài đường ống tương đương 7,5m.
 3. Độ ồn dựa trên điều kiện nhiệt độ như 1. và 2. Đây là giá trị qui đổi trong điều kiện không đối âm. Trong quá trình hoạt động thực tế có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.

Phụ kiện tùy chọn

Dàn lạnh

| STT | Thiết bị | FTK(X)S25/35E | FTK(X)S50/60/71F |
|-----|---|---------------|------------------|
| 1 | Bộ điều khiển trung tâm 5 phòng *1 | KRC72 | |
| 2 | Bộ điều hợp dùng cho bộ hẹn giờ/điều khiển từ xa *2 (Tiếp điểm xung thường mở/Tiếp điểm thường mở) | KRP413A1S | |
| 3 | Phin lọc tinh xúc tác quang với Titanium *3 | KAF970A46 | KAF952B42 |
| 4 | Đế giữ bộ Điều khiển từ xa với dây treo | KKF917A4 | |

Chú ý: *1. Bộ điều hợp (KRP413A1S) cần có cho mỗi dàn lạnh

*2. Bộ hẹn giờ và những thiết bị khác được cung cấp tại nơi lắp đặt

*3. Phin lọc là phụ tùng kèm theo. Nó sẽ được thay mới mỗi 3 năm.



Bộ điều khiển trung tâm 5 phòng KRC72



Phin lọc tinh xúc tác quang với Titanium KAF970A46



Phin lọc tinh xúc tác quang với Titanium KAF952B42



Đế giữ bộ Điều khiển từ xa với dây treo KKF917A4

Dàn nóng

| STT | Thiết bị | RK(X)S25/35EB | RKS50/60/71R, RXS50/60F | RXS71F |
|-----|---------------------------|---------------|-------------------------|----------|
| 1 | Lưới điều chỉnh hướng gió | KPW937A4 | KPW945A4 | |
| 2 | Đầu nối ống nước xả | KKP937A4*1 | | KKP945A4 |

Chú ý: *1 Một bộ gồm 5 cái cho mỗi máy



Lưới chỉnh hướng gió KPW945A4



Đầu nối ống nước xả KKP937A4

| STT | Thiết bị | FTK(X)S25/35E | FTK(X)S50/60/71F |
|-----|---------------------------------------|---------------|------------------|
| 1 | Bộ điều khiển trung tâm *1 | | DCS302CA61 |
| 2 | Bộ điều khiển ON/OFF hợp nhất *1 | | DCS301BA61 |
| 3 | Bộ đặt thời gian hoạt động *1 | | DST301BA61 |
| 4 | Bộ điều hợp dùng cho mạng DIII-NET *1 | | KRP928B2S |

Chú ý: *1 Bộ điều hợp (KRP928B2S) cần thiết cho mỗi một dàn lạnh



Bộ điều khiển trung tâm DCS302CA61



Bộ điều khiển ON/OFF hợp nhất DCS301BA61



Bộ cài đặt thời gian hoạt động DST301BA61

Cảnh báo



- Sản phẩm Daikin được sản xuất và xuất khẩu đi nhiều quốc gia trên thế giới. Daikin Industries, Ltd. không kiểm soát bất kỳ sản phẩm nào được xuất khẩu và sử dụng ở một quốc gia đặc thù. Vì vậy, trước khi mua hàng, Quý vị cần kiểm tra với nhà nhập khẩu ủy quyền, nhà phân phối hoặc các cửa hàng bán lẻ xem sản phẩm có thích ứng với các tiêu chuẩn để sử dụng tại nước sở tại. Hướng dẫn này không mang ý nghĩa ngăn chặn, cấm đoán hay sửa đổi các thực thi luật pháp tại địa phương.
- Vui lòng yêu cầu đơn vị lắp đặt hoặc nhà thầu đủ khả năng để lắp đặt sản phẩm. Không tự cố gắng lắp đặt sản phẩm. Việc lắp đặt không đúng có thể gây rò rỉ nước hay môi chất lạnh, chập điện, cháy nổ.
- Sử dụng các phụ tùng, linh kiện được cung cấp hoặc chỉ định bởi Daikin. Yêu cầu đơn vị lắp đặt hoặc nhà thầu có chuyên môn lắp đặt những phụ tùng, linh kiện này. Sử dụng các phụ tùng, linh kiện trái phép hoặc lắp không đúng có thể gây rò rỉ nước hay môi chất lạnh, chập điện, cháy nổ.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng sản phẩm. Tài liệu hướng dẫn cung cấp các chi dẫn quan trọng về an toàn cũng như cảnh báo các vấn đề cần lưu ý khi sử dụng. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn sử dụng và cảnh báo này.
- Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với nhà nhập khẩu ủy quyền, nhà phân phối hoặc các cửa hàng bán lẻ tại địa phương

Lưu ý về an toàn sản phẩm

- Máy điều hòa không khí không nên lắp đặt ở khu vực có chất ăn mòn như axit, kiềm.
- Trường hợp dàn nóng được lắp đặt gần bờ biển, tránh đặt trực tiếp theo hướng gió biển. Vui lòng liên hệ với nhà cung cấp tại địa phương để được tư vấn khi gặp trường hợp này.